

LICH HOC

Tuần 20(11/01 - 17/01/2021), Học kỳ 1-Năm học 2020-2021

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10(Chiều)

	Thu hai					Thu Ba					Thu Tu					Thu Nam					Thu Sau					Thu Bay					Chu Nhat																		
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9
Bui T Ngoc Han(KT CN)											Qik P.A306 K12KN											Qik P.A205 K12KN																											
Bui T Thu Vy(KT CN)						KT XD P.A303 K12XD					KT XD P.A204 K12XD						KT XD P.A204 K12XD																																
Chau Thi Ngoc Tuyet(CBAN)						Phap luat DC P.A302 K20QT					Luat kinh doanh P.A307 K12QT	Phap luat DC P.A303 K20KT					Luat kinh doanh P.A202 K12QT	Phap luat DL P.A102 K12DL/K19DL																															
Dang T Minh Hieu(QTKD)						Giao tiep cong dong P.A305 K20QN					Tong quan du lich P.A303 K19DL	Tam ly hoc DC P.A202 K20QN/K20LK										Giao tiep cong dong P.A202 K20QN	Giao tiep cong dong P.A204 K19QN																										
Dang Thi Ly(KTOAN)											HT thong tin QL P.A206 K19KT/K19NH						HT thong tin QL P.A206 K19KT/K19NH											Ke toan thue(Thi CK) P.A307 K12KT																					
Đào T Ly Sa(QTKD)						HT thong tin QL P.A306 K19DL/K19QN					HT thong tin QL P.A306 K19QT	Quan tri hoc P.A302 K20KT/K20LK										HT thong tin QL P.A206 K19DL/K19QN	Quan tri hoc P.A202 K20KT/K20LK																										
Đo Anh Tuan(CBAN)						AV 2 P.A301 K19KT					AV chuye n ngành P.A405 K12LK2										AV chuye n ngành P.A205 K12LK2	AV 2 P.A201 K19KT																											

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10(Chiều)

	Thu hai					Thu Ba					Thu Tu					Thu Nam					Thu Sau					Thu Bay					Chu Nhat																		
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9
Dong Ngoc Nguyen Thinh(KT CN)	Co so du lieu 1 P.H602 K19TT		Cong nghe Web P.H603 K11TT			LT Java NC P.H603 K12TT		Cong nghe XML P.H604(30) K12TT			Cong nghe Web P.H602 K11TT		Co so du lieu 1 P.H603 K19TT			Cong nghe XML P.H604(30) K12TT							LT Java NC P.H602 K12TT		Cong nghe Web P.H602 K11TT																								
Ho Ngoc Huy(KT)											Toan kinh te P.H604(30) K20QN					Ky nang mem P.A201 K12DL/K12PT										PT chinh sach NN P.A405 K12KN																							
Le T Bao Yen(KT CN)			Tin hoc van phong P.H604(30) K20LK			Tin hoc van phong P.H602 K20TT		Cau truc du lieu> P.H602 K19TT			Tin hoc van phong P.H603 K20QT					Tin hoc van phong P.H603 K20QN/K20KT		TH CTDL> P.H602 K19TT			Tin hoc van phong P.H603 K20TT		Tin hoc van phong P.H603 K20TH																										
Le T Thu Trang(KT CN)											QnN P.A305 K12KN					QnN P.A204 K12KN																																	
Le Van Trung(TH-DHSPDN)	Van hoc thieu nhi P.A201 K20TH		Van hoc thieu nhi P.A201 K20TH			Van hoc thieu nhi P.A201 K20TH		Van hoc thieu nhi P.A201 K20TH			Van hoc thieu nhi P.A201 K20TH		Van hoc thieu nhi P.A201 K20TH																																				
Mai T Thuy Diem(CBAN)						Tieng anh CN P.A405 K12LK1					Tieng Anh KD P.A202 K12NH		Tieng anh CN P.A102 K12LK1								Tieng Anh KD P.A306 K12NH																												
Nguyen Duc Tuan(CBAN)	GDTC4 San 1 CS2_DT K12QT		GDTC1 San 1 CS2_DT K20QK			GDTC4 San 1 CS2_DT K12TH/K12NH					GDTC4 San 1 CS2_DT K12LK2		GDTC2 San 1 CS2_DT K19DL/K19N			GDTC4 San 1 CS2_DT K12KT					GDTC2 San 1 CS2_DT K19QN		GDTC1 San 1 CS2_DT K20TH			GDTC4 San 1 CS2_DT K12DL/K12PT																							

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10(Chiều)

	Thu hai					Thu Ba					Thu Tu					Thu Nam					Thu Sau					Thu Bay					Chu Nhat																			
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10
Nguyen T To Nhu(QTKD)																					NC Marketing																													
Nguyen Thanh Ba(KT CN)	QT mang															QT mang										P.H602																								
	P.H603															P.H602										K19QT																								
	K12TT															K12TT																																		
Nguyen Thiet(CDCD)	Dai so tuyen tinh																				Dai so tuyen tinh					P.A303																								
	P.A305																				P.A303					K20TT																								
	K20TT																																																	
Nguyen Van Linh(KT CN)						KT thi cong 1																				KT thi cong 1																								
						P.A205																				P.A201																								
						K12XD																				K12XD																								
Nguyen Xuan Nguyen(CBAN)						GDTC2					GDTC1	GDTC4			GDTC2										GDTC4				GDTC1																					
						San 2 CS2_DT					San 1 CS2_DT	San 2 CS2_DT			San 2 CS2_DT										San 2 CS2_DT																									
						K19TH					K20KTK	K12TT/K12XD			K19KT										K12LK1				K20QT																					
Pham T Mai Quyen(KTOAN)						QT san xuat														QT san xuat					QT san xuat																									
						P.A307														P.A202					P.A102																									
						K19QT														K19QT					K19QT																									
Pham T Ngoc Ly(KTOAN)											TC cong ty(Thi CK)																																							
											P.A404																																							
											K19KT/K12KT																																							

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10(Chiều)

	Thu hai					Thu Ba					Thu Tu					Thu Nam					Thu Sau					Thu Bay					Chu Nhat																		
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9
Nhom Khoi nghiep						Khoi nghiep P.A102 K11D										Khoi nghiep P.A206 K11D										Khoi nghiep P.A102 K11D																							
Nguyen Van Giang(KT-NN)															Vat ly P.A305 K20TT																																		
THI CK1																												Tu phap quoc te(Thi CK) P.A307 K12LK2																					
(Thi CK)						Cong phap quoc te(Thi CK) P.A402 K12LK2					KT vi mo nang cao(Thi CK) P.A302 K12PT																		QL hoc(Thi CK) P.A301 K20QN																				
()						Cong phap quoc te(Thi CK) P.A307 K12LK1					TC HCBM NN(Thi CK) Phong A302 K19QN																																						
Tran Le Nhat Hoang										Van hanh NM thuy dien(Thi CK) P.A202 K11D																																							
Nguyen Ngoc Lam (TTQTVN)																																Tu phap quoc te(Thi CK) P.A302 K12LK1																	

